

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách huyện

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp thứ Chín.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện-xã cho thời kỳ 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết HĐND tỉnh số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2023 nguồn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2023 nguồn ngân sách Trung ương;

Căn cứ các Nghị quyết HĐND huyện: số 116/NQ-HĐND ngày 23/8/2021 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách huyện đầu tư; Nghị quyết 126/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về việc điều chỉnh, bổ sung một số dự án, nhiệm vụ chi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện đầu tư; Nghị quyết 149/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện đầu tư; Nghị quyết 165/NQ-HĐND ngày 03/11/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện đầu tư; Nghị quyết 167/NQ-HĐND ngày 03/11/2022 về việc kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách huyện đầu tư;

Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê trình Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp thứ Chín phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách

huyện, cụ thể như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022.

I. Tình hình giao, điều chỉnh và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022: Tổng kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh bổ sung là 75.476 triệu đồng, giải ngân 37.540 triệu đồng đạt 50% kế hoạch, bao gồm:

1. Tình cân đối theo tiêu chí: 42.120 triệu đồng, thực hiện giải ngân 30.704 triệu đồng, đạt 73% kế hoạch.

2. Tiền sử dụng đất phân cấp huyện đầu tư: 12.860 triệu đồng, giải ngân 6.836 triệu đồng, đạt 53% kế hoạch.

3. Vốn chương trình MTQG 20.497 triệu đồng, trong đó:

3.1. Chương trình MTQG xây dựng NTM: 12.428 triệu đồng, các xã đang hoàn tất thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu triển khai thi công.

3.2. Chương trình MTQG DTTS&MN: 8.069 triệu đồng, các xã đang hoàn tất thủ tục đầu tư đối với Tiểu dự án 1-Thuộc dự án 4, tiến hành lựa chọn nhà thầu triển khai thi công. Riêng đối với dự án 1 và dự án 6 đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

II. Các giải pháp đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn:

- UBND huyện đã chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh về kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQCP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND huyện để xảy ra chậm trễ, không đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 do đơn vị mình quản lý. Giao cơ quan chuyên môn thực hiện tham mưu trình HĐND huyện điều chuyển vốn sang các dự án khác có nhu cầu thực hiện.

B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

I. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023.

Việc bố trí vốn ngân sách nhà nước năm 2023 phải đảm bảo:

1. Thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật NSNN, phù hợp với Chỉ thị Thủ tướng Chính phủ, văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023.

2. Việc phân bổ vốn thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 về ban

hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện-xã cho thời kỳ 2022-2025;

3. Phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025.

4. Việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 cho các dự án bảo đảm theo thứ tự ưu tiên:

- Bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

- Bố trí vốn để thu hồi số vốn ứng trước.

- Bố trí đủ vốn NSNN năm 2023 cho các dự án hoàn thành trong năm 2023 để phát huy hiệu quả đầu tư.

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 theo tiến độ đồng thời bảo đảm thời gian bố trí vốn của dự án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công (dự án nhóm A không quá 5 năm, nhóm B không quá 04 năm và nhóm C không quá 3 năm).

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới, đã có đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

II. Kế hoạch đầu tư công năm 2023: Trình HĐND huyện phê duyệt là 172.986,207 triệu đồng, cụ thể:

1. Ngân sách tỉnh phân cấp huyện đầu tư: 30.582,000 triệu đồng, trong đó:

a) Bố trí đối ứng thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn: 1.875,000 triệu đồng

b) Phân bổ chi tiết thực hiện dự án cho từng lĩnh vực: 28.708,000 triệu đồng, gồm:

- Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp: 12.808,868 triệu đồng/04 dự án hoàn thành; 02 dự án khởi công mới.

- Lĩnh vực Giao Thông: 5.064,200 triệu đồng/ 01 dự án hoàn thành.

- Hạ tầng, kỹ thuật: 8.525,498 triệu đồng/01 dự án hoàn thành; 02 dự án chuyển tiếp; 01 dự án khởi công mới.

- Quản lý nhà nước: 309,435 triệu đồng/ 01 dự án hoàn thành.

- Lĩnh vực Quốc phòng, an ninh: 2.000,000 triệu đồng/02 dự án khởi công mới.

(Có phụ lục 01 chi tiết kèm theo)

2. Tiền sử dụng đất huyện:

2.1. Phân cấp nguồn thu:

- Thực hiện Nghị Quyết số 05/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Khoản 6, Điều 1, Nghị Quyết số 124/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Chư Sê về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và

định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện - xã cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Sê.

- Quy định về phân cấp nguồn thu tiền sử dụng đất: Ngoài số 10% điều tiết về ngân sách cấp tỉnh thì 90% còn lại được điều tiết như sau:

- Tiền sử dụng đất từ dự án do ngân sách cấp huyện đầu tư thực hiện: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%;

- Tiền sử dụng đất (Không kể tiền sử dụng đất từ dự án do ngân sách cấp huyện đầu tư thực hiện):

+ Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%;

+ Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách cấp huyện hưởng 20%; Ngân sách cấp xã hưởng 80%.

2.2. Kế hoạch năm 2023 trình HĐND huyện thông qua:

a) Tổng kế hoạch vốn tỉnh giao 50.000,000 triệu đồng, kế hoạch năm 2023 dự thảo trình HĐND huyện khóa X-Kỳ họp thứ Chín có sự thay đổi, điều chỉnh do thực hiện điều tiết, phân cấp nguồn thu về cho các xã thực hiện so với Nghị quyết 167/NQ-HĐND ngày 03/11/2022 của HĐND huyện về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách huyện đầu tư.

b) Thực hiện phân cấp nguồn thu tiền sử dụng đất huyện như sau:

* Điều tiết về ngân sách tỉnh để thực hiện dự án đo đạc (10%): 5.000,000 triệu đồng.

* Cấp huyện, cấp xã hưởng (90%): 45.000,000 triệu đồng, được phân cấp như sau:

- **Ngân sách cấp huyện thực hiện đầu tư: 40.840,560 triệu đồng**

+ Trích 30% nợ quỹ đất tỉnh theo biên bản kiểm toán năm 2019: 5.226,900 triệu đồng

+ Trích nợ 30% quỹ đất năm 2020: 8.837,786 triệu đồng

+ Phân bổ chi tiết lĩnh vực: 20.808,574 triệu đồng, trong đó:

++ Lĩnh vực Giao thông: 9.966,066 triệu đồng/29 dự án hoàn thành.

++ Lĩnh vực Văn hóa-Thể thao: 256.269 triệu đồng/05 dự án án hoàn thành.

++ Hạ tầng, kỹ thuật: 2.331,807 triệu đồng/08 dự án hoàn thành.

++ Lĩnh vực Giáo dục: 6.161,036 triệu đồng/16 dự án hoàn thành.

++ Lĩnh vực Nông nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản: 2.093,396 triệu đồng/08 dự án hoàn thành.

+ Hoàn ứng Quỹ đất tỉnh: 4.767,300 triệu đồng/01 dự án.

+ Ủy thác về ngân hàng chính sách xã hội theo chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư TW đảng: 1.200 triệu đồng

- **Ngân sách cấp xã thực hiện đầu tư: 4.159,440 triệu đồng**

(Có phụ lục 2; 2.1 chi tiết kèm theo)

3. Dự kiến tăng thu tiền sử dụng đất: 92.403,207 triệu đồng, cụ thể bố trí:

- Hoàn ứng Quỹ đất tỉnh: 86.058,983 triệu đồng/16 dự án

- Lĩnh vực giao thông: 3.844,224 triệu đồng/01 dự án hoàn thành.

- Nhiệm vụ quy hoạch: 2.500,000 triệu đồng/01 nhiệm vụ

Ghi chú: Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu sử dụng theo quy định tại Điều 59 của Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Đối với phần vốn đầu tư phát triển (nếu có) UBND huyện sẽ lập phương án sử dụng số tăng thu cấp mình báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất. Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên bố trí vốn tăng thu để thu hồi các khoản vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công năm 2023; sau đó mới đề xuất sử dụng số tăng thu còn lại để bố trí cho các dự án quan trọng. Thực hiện theo đúng Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai.

(Có phụ lục 03 chi tiết kèm theo)

III. Giải pháp thực hiện:

- Về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:
 - Tập trung cho công tác Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khai thác quỹ đất cho phát triển kết cấu hạ tầng một cách hiệu quả, tiết kiệm nhất.
 - Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân để có sự đồng thuận lớn trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng.
 - Các địa phương và các chủ đầu tư phải đảm bảo mặt bằng sạch khi triển khai thi công dự án.
- Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng.
 - Triển khai thực hiện các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cơ quan, địa phương trong việc bố trí vốn cho từng dự án cụ thể.
 - Vốn đầu tư công phân bổ theo hướng tập trung; Bảo đảm bố trí đủ vốn để hoàn thành dự án theo tiến độ quy định. Kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp hoặc triển khai thực hiện vượt quá khả năng cân đối vốn.
 - Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng từ khâu lập, thẩm định, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng mức đầu tư đến khâu lựa chọn chủ đầu tư, nhà thầu có đủ năng lực thực hiện dự án. Kiểm tra giám sát đầu tư, giám sát chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư; thực hiện tốt việc duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình xây dựng để phát huy tính năng sử dụng, duy trì độ bền vững của công trình.

Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê trình Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp thứ Chín xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Phòng Tài chính-KH;
- Lưu VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Rmah H' Bé Nét

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh							Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 01/01/2022 đến 29/11/2022		Tỷ lệ %	
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
	TỔNG CỘNG								75.476,646	75.476,966	-	-	37.539,748	37.540,068	50	
I	Tính cân đối theo tiêu chí						30.000	30.000	42.120	42.120	-	-	30.704	30.704	73	
(1)	Dự án khởi công mới								5.000	5.000	-	-	642	642		
1	Đường Phan Đình Phùng, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	7911715	Thị trấn Chư Sê	L=870m; Bn=24m; Bm=15m; hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	2021-2022	319/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	30.000	30.000	5.000	5.000	-	-	642	642	13	
(2)	Vốn chuẩn bị đầu tư						220.000	220.000	2.690	2.690	-	-	-	-	-	
1	Đường nội thị huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	7953909	Thị trấn Chư Sê	* Đường Đinh Tiên Hoàng (Đoạn Võ Thị Sáu - đường Liên xã đi xã Ia Blang). * Đường Trần Khánh Dư (nối dài đến đường Tỉnh lộ 200)	2024-2026	351/NQ- HDND ngày 17/06/2021; 135/QĐ-UBND ngày 16/07/2021	120.000	120.000	820	820					-	
2	Đường liên xã huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	7953908	Huyện Chư Sê	- Đường từ thị trấn Chư Sê đi qua các xã Chư Pong, Ia Tiêm, Bờ Ngoong, Bar Măih (nhánh 1) - Đường từ xã Kông Htok đi xã Ayun (nhánh 2) - Đường nối Quốc lộ 25 đi hồ Ayun Hạ (nhánh 3)	2023-2025	392/NQ- HDND ngày 17/06/2021; 136/QĐ-UBND ngày 16/07/2021	100.000	100.000	1.870	1.870					-	
(3)	Chương trình Kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022								3.847	3.847	-	-	3.018	3.018	78	
I	UBND xã Đun						428	200	200	200	-	-	200	200	100	
-	Đường giao thông làng Queng Mếp	7941012	Xã Đun	Nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=515,6m	2022	721/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	428	200	200	200			200	200	100	
2	UBND xã Ia Blang						534	250	250	250	-	-	250	250	100	
-	Đường giao thông thôn 6	7943233	Xã Ia Blang	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=263,7m	2022	297/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	219	102	102	102			102	102	100	
-	Đường giao thông thôn An Điền	7943232	Xã Ia Blang	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=380m	2022	298/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	315	148	148	148			148	148	100	
3	UBND xã Ia Glai						665	300	300	300	-	-	300	300	100	
-	Đường giao thông làng Yon Tok	7941556	Xã Ia Glai	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=771m	2022	235/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	665	300	300	300			300	300	100	
4	UBND xã Bờ Ngoong						722	350	350	350	-	-	350	350	100	
-	Đường giao thông làng Thoong Nha	7949843	Xã Bờ Ngoong	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=791,1m	2022	61/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	722	350	350	350			350	350	100	
5	UBND xã Ai Bá						490	250	250	250	-	-	118	118	47	
-	Đường giao thông làng Ia Doa	7941554	Xã Ai Bá	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=791,1m	2022	43/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	140	71	71	71			33	33	46	
-	Đường giao thông làng Klah	7941553	Xã Ai Bá	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 18cm, rộng 3m; L=377,6m	2022	44/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	351	179	179	179			85	85	48	
6	UBND xã Chư Pong						502	250	250	250	-	-	250	250	100	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh							Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 01/01/2022 đến 29/11/2022		Tỷ lệ %	
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
-	Đường giao thông làng Hồ Lang	7941560	Xã Chư Pong	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=150m	2022	256/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	127	63	63	63			63	63	100	
-	Đường giao thông thôn Đoàn Kết	7941557	Xã Chư Pong	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=442,5m	2022	255/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	375	187	187	187			187	187	100	
7	UBND xã Bar Măih						728	350	350	350	-	-	-	-	-	
-	Đường giao thông làng Phăm Kleo Ngol	7951679	Xã Bar Măih	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=400m	2022	463/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	357	172	172	172					-	Chưa giải ngân
-	Đường giao thông làng Phăm Ó	7951678	Xã Bar Măih	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=415,2m	2022	462/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	371	178	178	178					-	Chưa giải ngân
8	UBND xã Ia H Lốp						753	350	350	350	-	-	350	350	100	
-	Đường giao thông làng Á	7951459	Xã Ia HLốp	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=200m	2022	2381/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	168	78	78	78			78	78	100	
-	Đường giao thông thôn 4	7950860	Xã Ia HLốp	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=310m	2022	2383/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	260	121	121	121			121	121	100	
-	Đường giao thông thôn 3	7950861	Xã Ia HLốp	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=387,3m	2022	2382/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	325	151	151	151			151	151	100	
9	UBND xã Ia Ko						1.017	500	500	500	-	-	500	500	100	
-	Đường giao thông làng Sur A	7941558	Xã Ia Ko	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=370m	2022	184/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	320	157	157	157			157	157	100	
-	Đường giao thông làng Tai Glai	7941559	Xã Ia Ko	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=270m	2022	182/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	234	115	115	115			115	115	100	
-	Đường giao thông làng O Bung	7941561	Xã Ia Ko	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=535m	2022	183/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	463	228	228	228			228	228	100	
10	UBND xã Ia Pal						746	347	347	347	-	-	-	-	-	
-	Đường giao thông làng Tảo Roòng	7941009	Xã Ia Pal	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=771m	2022	367/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	746	347	347	347					-	Chưa giải ngân
11	UBND Ia Tiêm						718	350	350	350	-	-	350	350	100	
-	Đường giao thông làng Lê Ngol	7953486	Xã Ia Tiêm	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=300m	2022	104/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	262	128	128	128			128	128	100	
-	Đường giao thông làng Bông	7953487	Xã Ia Tiêm	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=522m	2022	103/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	456	222	222	222			222	222	100	
12	UBND Kông Htok						696	350	350	350	-	-	350	350	100	
-	Đường giao thông làng Chư Ruoi Sul	7941015	Xã Kông Htok	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=831,5m	2022	834/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	696	350	350	350			350	350	100	
(4)	Vốn cân đối ngân sách phân cấp huyện, thị xã, thành phố								30.583	30.583	-	-	27.044	27.044	88	
1	Đối ứng thực hiện Chương trình Kiên cố hóa hạ tầng giao thông năm 2022						2		2.400	2.400	-	-	1.553	1.553	65	
1.1	UBND xã Dun						428	128	128	128	-	-	100	100	78	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh							Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 01/01/2022 đến 29/11/2022		Tỷ lệ %	
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
-	Đường giao thông làng Queng Mếp	7941012	Xã Dưn	Nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=515,6m	2022	721/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	428	128	128	128			100	100	78	
1.2	UBND xã Ia Blang						534	160	160	160	-	-	149,6	149,6	93	
-	Đường giao thông thôn 6	7943233	Xã Ia Blang	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=263,7m	2022	297/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	219	66	66	66			61,208	61,208	93	
-	Đường giao thông thôn An Điền	7943232	Xã Ia Blang	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=380m	2022	298/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	315	95	95	95			88,429	88,429	94	
1.3	UBND xã Ia Glai						665	200	200	200	-	-	139	139	70	
-	Đường giao thông làng Yon Tok	7941556	Xã Ia Glai	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=771m	2022	235/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	665	200	200	200			139	139	70	
1.4	UBND xã Bờ Ngoong						722	217	217	217	-	-	217	217	100	
-	Đường giao thông làng Thoong Nha	7949843	Xã Bờ Ngoong	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=791,1m	2022	61/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	722	217	217	217			217	217	100	
1.5	UBND xã Ai Bá						490	147	147	147	-	-	-	-	-	
-	Đường giao thông làng Ia Doa	7941554	Xã Ai Bá	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 18cm, rộng 3m; L=150m	2022	43/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	140	42	42	42					-	
-	Đường giao thông làng Klah	7941553	Xã Ai Bá	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 18cm, rộng 3m; L=377,6m	2022	44/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	351	105	105	105					-	
1.6	UBND xã Chư Pông						502	151	151	151	-	-	96	96	64	
-	Đường giao thông làng Hồ Lang	7941560	Xã Chư Pông	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=150m	2022	256/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	127	38	38	38			25	25	65	
-	Đường giao thông thôn Đoàn Kết	7941557	Xã Chư Pông	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=442,5m	2022	255/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	375	113	113	113			72	72	64	
1.7	UBND xã Bar Măih						728	218	218	218	-	-	-	-	-	
-	Đường giao thông làng Phăm Kleo Ngol	7951679	Xã Bar Măih	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=400m	2022	463/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	357	107	107	107					-	
-	Đường giao thông làng Phăm Ô	7951678	Xã Bar Măih	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=415,2m	2022	462/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	371	111	111	111					-	
1.8	UBND xã Ia H Lốp						753	226	226	226	-	-	205	205	91	
-	Đường giao thông làng Á	7951459	Xã Ia HLốp	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=200m	2022	2381/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	168	50	50	50			47	47	93	
-	Đường giao thông thôn 4	7950860	Xã Ia HLốp	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=310m	2022	2383/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	260	78	78	78			73	73	93	
-	Đường giao thông thôn 3	7950861	Xã Ia HLốp	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=387,3m	2022	2382/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	325	98	98	98			85	85	87	
1.9	UBND xã Ia Ko						1.017	305	305	305	-	-	281	281	92	
-	Đường giao thông làng Sur A	7941558	Xã Ia Ko	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=370m	2022	184/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	320	96	96	96			90	90	94	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh							Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 01/01/2022 đến 29/11/2022		Tỷ lệ %	
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
-	Đường giao thông làng Tai Glai	7941559	Xã Ia Ko	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=270m	2022	182/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	234	70	70	70			65	65	93	
-	Đường giao thông làng O Bung	7941561	Xã Ia Ko	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=535m	2022	183/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	463	139	139	139			126	126	91	
1.10	UBND xã Ia Pal						746	224	224	224	-	-	-	-	-	
-	Đường giao thông làng Tào Roòng	7941009	Xã Ia Pal	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=771m	2022	367/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	746	224	224	224					-	
1.11	UBND Ia Tiem						718	215	215	215	-	-	200	200	93	
-	Đường giao thông làng Lê Ngol	7953486	Xã Ia Tiem	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=300m	2022	104/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	262	79	79	79			73	73	93	
-	Đường giao thông làng Bông	7953487	Xã Ia Tiem	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=522m	2022	103/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	456	137	137	137			127	127	93	
1.12	UBND Kông Htok						696	209	209	209	-	-	166	166	80	
-	Đường giao thông làng Chư Ruối Sul	7941015	Xã Kông Htok	Mặt đường BTXM đá 2x4 M250, dày 16cm, rộng 3m; L=831,5m	2022	834/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	696	209	209	209			166	166	80	
2	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng								15.594	15.594	-	-	13.518	13.518	87	
2,1	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương thuộc phía Đông đoạn từ Cách Mạng đến đường Trường Chinh, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7724822	Thị trấn Chư Sê	Mở rộng mặt đường, đan rãnh, bố vĩa, vỉa hè lát đá bazan, hệ thống thoát nước; - Điểm đầu: Km0+00m (đường Cách Mạng); - Điểm cuối: Km0+993.45m (đường Trường Chinh);	2019-2020	477/QĐ-UBND ngày 22/8/2018; 559/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	9.990	9.990	731	731			731	731	100	
2,2	Đường Hùng Vương đoạn từ cổng chào Phía Nam đến đèn xanh đèn đỏ thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7724817	Thị trấn Chư Sê	Mở rộng mặt đường, đan rãnh, bố vĩa, vỉa hè lát đá bazan, hệ thống thoát nước; - Điểm đầu: Km0+00m (Cổng chào phía Nam thị trấn Chư Sê); - Điểm cuối: Km0+245.34m (đèn xanh đèn đỏ); chiều dài đoạn đầu: 245.34m	2019-2020	476/QĐ-UBND ngày 22/8/2018; 560/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	5.320	5.320	682	682			579	579	85	
2,3	Đường Âu Cơ đoạn Hùng Vương – Đình Tiên Hoàng thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7740471	thị trấn Chư Sê	Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước; Điểm đầu: Km0+0.00 (giáp đường Trường Chinh)	2019-2020	638/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.000	3.000	451	451			451	451	100	
2,4	Đường Trường Chinh đoạn Nguyễn Chí Thanh - Trần Khánh Dư thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7740573	Thị trấn Chư Sê	Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước. Điểm đầu tuyến Km0+0.00m (Giao với đường Nguyễn Chí Thanh), Điểm cuối Km0+525.76m (Giao với đường Trần Khánh Dư), Tổng chiều dài tuyến L=525.76m	2019-2020	650/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.672	5.672	606	606			395	395	65	
2,5	Đường nội thị thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7740480	thị trấn Chư Sê	Thảm bê tông nhựa: - Đường Phan Đình Giót; - Đường Lê Quý Đôn; Đường Nguyễn Đình Chiểu; Điểm đầu giao với đường Nguyễn Trãi ; Đường Nguyễn Văn Trỗi;	2019-2020	646/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.293	6.293	1.140	1.140			1.105	1.105	97	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh							Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 01/01/2022 đến 29/11/2022		Tỷ lệ %	
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
2,6	Đường quy hoạch thôn Hồ Nước đoạn QL 14 đến đường Tránh Đồng thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7739009	Thị trấn Chư Sê	Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước; Điểm đầu Km0+0.00m (Giáp đường QL 14); Điểm cuối Km0+680.31m (Giáo đường tránh đồng thị trấn Chư Sê đang thi công); Tổng chiều dài đoạn tuyến L=680.31m	2019-2020	653/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.500	6.500	1.754	1.754			1.754	1.754	100	
2,7	Đường Võ Thị Sáu (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường 17/3) thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7740574	Thị trấn Chư Sê	Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước; Điểm đầu Km0+0.00 giao đường Hùng Vương. Điểm cuối Km0+701.57 giao quốc lộ 25; Chiều dài đoạn tuyến L=701.57m	2019-2020	645/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	6.000	587	587			488	488	83	
2,8	Đường Trần Nhật Duật thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7740568	thị trấn Chư Sê	Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước; Điểm đầu Km0+00m (giáp đường Phạm Văn Đồng). Điểm cuối km0+123.37m (Giáp đường Trần Hưng Đạo); Chiều dài tuyến L=123.37m	2019-2020	651/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.000	2.000	147	147			36	36	25	
2,9	Đường vào khu nghĩa trang nhân dân huyện Chư Sê	7739028	xã Ia H'Lốp	Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước; - Điểm đầu Km0+0.00m (giáp đường liên xã từ thị trấn Chư Sê đi xã Ia H'Lốp); - Điểm cuối Km2+80.90m (nghĩa trang nhân dân) chiều dài tuyến L=2080.90m	2019-2020	595/QĐ-UBND ngày 8/10/2018	3.700	3.700	430	430			383	383	89	
2,1	Đường quy hoạch khu dân cư làng Pang xã Ia Glai, huyện Chư Sê	7716859	xã Ia Glai	Nền, mặt đường và công trình thoát nước; - Đường QH Đ1, chiều dài đoạn tuyến L1=294.85m. - Đường QH Đ2; Chiều dài tuyến L2=292.23m. Tổng chiều dài 02 tuyến L=L1+L2=587.08m	2019-2020	467/QĐ-UBND ngày 16/8/2018; 518/QĐ-UBND ngày 7/9/2018;	1.000	1.000	59	59			16	16	28	
2,11	Đường quy hoạch khu dân cư Tổ dân phố 10 (trường phổ thông dân tộc nội trú cũ) thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7740493	thị trấn Chư Sê	Nền, mặt đường, công trình thoát nước; - Nhánh 1: Chiều dài đoạn tuyến L1=97.15m. - Nhánh 2; Chiều dài tuyến L2=81.68m; Tổng chiều dài 02 tuyến L=L1+L2=178.83m	2019-2020	671/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.600	1.600	97	97			97	97	100	
2,12	Nâng cấp, mở rộng đường 17/3 đoạn cuối đường đôi đến đường Tránh Đồng, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7740575	Thị trấn Chư Sê	Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, dải phân cách,, Tổng chiều dài tuyến L=877.80m	2019-2020	676/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.390	7.390	237	237			237	237	100	
2,13	Đường Quy hoạch số 3, số 4 thuộc quy hoạch khu dân cư tại Công viên Bầu Ngựa thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7632807	Thị trấn Chư Sê	Đường HQ số 3: Điểm đầu Km0+0.00m(Giáp đường Phạm Văn Đồng; L=252.91m; Đường QH số 4: Điểm đầu Km0+0.00m(giáp đường QH số 1); Điểm cuối Km0+84.65m (giáp đường QH số 3)L=84.65m	2019-2020	451/QĐ-UBND ngày 13/6/2017	4.183	4.183	213	213			94	94	44	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh						Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 01/01/2022 đến 29/11/2022			Tỷ lệ %
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
2,14	Đường Sư Vạn Hạnh đoạn đường 17/3 đến Lê Lợi thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7739019	thị trấn Chư Sê	Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước; Tổng chiều dài L=539.71m	2020-2022	614/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	7.915	7.915	1.905	1.905			1.905	1.905	100	
2,15	Đường điện chiếu sáng công cộng huyện Chư Sê	7740163	Thị trấn Chư Sê	Hệ thống chiếu sáng: Đường Nguyễn Hữu Thọ; Đường Tôn Đức Thắng, Trần Văn Bình; Trường Sa; Đường Trảnh Đông	2019-2020	679/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.540	4.540	376	376			180	180	48	
2,16	Sân vận động xã BarMaih	7782086	xã BarMaih	San lấp mặt bằng, khán đài	2019-2020	697/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	400	400	91	91			47	47	51	
2,17	Sân vận động xã Ia Hlốp	7742341	xã Ia Hlốp	San lấp mặt bằng, khán đài	2019-2020	701/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	400	400	59	59			12	12	21	
2,18	Sân vận động xã Ia Blang	7742340	xã Ia Blang	San lấp mặt bằng, khán đài	2019-2020	697a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	400	400	59	59			49	49	82	
2,19	Xây mới cống Ia Blin, xã Ia H'Lốp	7730153	xã Ia H'Lốp	Cống và đường đầu cống; Điểm đầu Km0+0.00m, Điểm cuối Km0+254.05m, chiều dài đoạn tuyến L=254.05m	2019-2020	655/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.000	3.000	208	208			112	112	54	
2,20	Xây mới cống Ia Hlốp, xã Ia H'Lốp	7730434	xã Ia H'Lốp	Điểm đầu Km0+0.00m, điểm cuối Km0+281.30m; Chiều dài đoạn tuyến L=281.30m	2019-2020	655/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.000	4.000	493	493			441	441	89	
2,21	Nhà văn hóa xã H'Bông, huyện Chư Sê	7743561	xã H'Bông	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, DTXD:337m2	2019-2020	684/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.500	1.500	210	210			160	160	77	
2,22	Hội trường UBND xã Ia Pal, huyện Chư Sê	7743554	Xã Ia Pal	Công trình cấp III, 01 tầng DTXD 293	2019-2020	704/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.500	1.500	228	228			132	132	58	
2,23	Nhà một cửa và phòng họp UBND thị trấn Chư Sê	7742335	Thị trấn Chư Sê	Nhà một cửa và phòng họp: Công trình cấp III, DTXD: 321m2, DTS tầng 2:320m2,	2019-2020	707/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.100	3.100	173	173					-	Chưa giải ngân
2,24	Cải tạo, Sửa chữa Trung tâm bồi dưỡng Chính Trị huyện Chư Sê	7742334	Thị trấn Chư Sê	Xây mới hội trường 200 chỗ: Công trình cấp III, 01 tầng, DTXD: 454,5m2,	2019-2020	708/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.500	9.500	1.433	1.433			1.433	1.433	100	
2,25	Sửa chữa nâng cấp kênh mương làng Hồ Lang - Hồ Bua, xã Chư Pong	7770903	xã Chư Pong	Kênh và công trình trên kênh, Tổng chiều dài L= 1.057,48m	2019-2020	647/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.900	1.900	126	126			85	85	68	
2,26	Hệ thống kênh nhánh thủy lợi PleiKeo, xã ayun	7743552	xã Ayun	Kênh VC2, kênh VC4, kênh N1- 2, kênh N1-4, kênh N1-6, kênh N1-6A, kênh N2-1, kênh N2-3, kênh N2-5, kênh N2-7, kênh N2- 9, kênh N2-11, kênh N2-13	2019-2020	677/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.900	9.900	1.456	1.456			1.456	1.456	100	
2,27	Đường Hồ Xuân Hương đoạn đường 17/3 đến Hai Bà Trưng thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7738941	thị trấn Chư Sê	Nền mặt đường, đan rãnh, bó vỉa, hệ thống thoát nước, vỉa hè; Điểm đầu: Km0+0.00m (Giáp đường 17/3; Km179+650m-QL 25). Điểm cuối: Km0+326.85m (giáp đường Hai Bà Trưng) Chiều dài đoạn tuyến L=326.85m	2019-2020	635/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.905	4.905	392	392			250	250	64	
2,28	Đường Hoàng Hoa Thám đoạn Lê Lợi đến Đường Trảnh Đông, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7740473	Thị trấn Chư Sê	Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước; Điểm đầu Km0+00m (giáp đường Lê Lợi), Điểm cuối Km0+230.38m (giáp đường Lê Lợi); L= 230.38m	2019-2020	656/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.000	5.000	298	298			244	244	82	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh						Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 01/01/2022 đến 29/11/2022			Tỷ lệ %
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
2,29	Đường gom Hùng Vương hai bên đoạn Phía đông từ Trường Chinh đến hết đường đôi; Phía tây từ Km1+100 (đổi diện siêu thị Vĩnh Tín) đến hết đường đôi thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7813576	Thị trấn Chư sê	Hạng mục: Mở rộng mặt đường 3,5m; vỉa hè	2020	647/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	9.990	9.990	808	808			536	536	66	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh						Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 01/01/2022 đến 29/11/2022			Tỷ lệ %
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
2,30	Đường Hoàng Hoa Thám (Mở rộng lòng đường, thoát nước via hè từ QL25- đường Lê Lợi) thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê - Hạng mục Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	7670287	thị trấn Chư Sê	Điểm đầu Km0+0.00 giáp đường QL 25 (đường 17/3); Cuối tuyến Km0+416.97m giáp đường Lê Lợi; L=416.97m	2018	834a /QĐ-UBND ngày 30/10/2017	2.200	2.200	44	44			37	37	84	
2,31	Đường Nguyễn Thái Học (Đoạn từ Quang Trung đến Nguyễn Chí Thanh), thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê -Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	7671697	Thị trấn Chư Sê	Điểm đầu Km0+00m (Giáp đường Quang Trung); Điểm cuối Km0+143.85m (Đường Nguyễn Chí Thanh) ; L=143.85m	2018-2020	814/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	1.279	1.279	103	103			72	72	70	
3	Dự án chuyển tiếp								4.889	4.889	-	-	4.685	4.685	96	
(1)	Sửa chữa, nâng cấp đường từ xã Bờ Ngoong đi xã Đun huyện Chư Sê (thuộc tuyến đường liên huyện Pleiku - Dak Đoa - Chư Sê)	7845715	Bờ Ngoong đi xã Đun	Nền, mặt đường, lề đường, hệ thống thoát nước	2020-2022	72/QĐ-UBND ngày 06/4/2020	30.000	8.800	4.000	4.000			4.000	4.000	100	
(2)	Thoát nước chống ngập úng khu dân cư TDP 2+12+14, thị trấn Chư Sê	7780192	Thị trấn Chư Sê	Hệ thống thoát nước: Thoát nước chống ngập úng Tổng chiều dài các đoạn 1253.94m	2019-2021	673/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.210	3.210	889	889			685	685	77	
4	Dự án khởi công mới								6.500	6.500	-	-	6.088	6.088	94	
(1)	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Ia Ko-Hạng mục: Xây mới nhà học	7942647	Xã Ia Ko		2022	229/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	1.500	1.500	1.500	1.500			1.429	1.429	95	
(2)	Trường TH Nguyễn Công Trứ, xã Hbông-Hạng mục: Xây mới nhà học	7942646	Xã H Bông		2022	230/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	5.000	5.000	5.000	5.000			4.659	4.659	93	
5	Bổ sung nhiệm vụ chỉ: Ủy thác về ngân hàng chính sách xã hội theo chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư TW đảng	Huyện Chư Sê			2022				1.200	1.200			1.200	1.200	100	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh						Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 01/01/2022 đến 29/11/2022			Tỷ lệ %
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
II	Tiền sử dụng đất phân cấp huyện, thị xã, thành phố								12.860	12.860	-	-	6.836	6.836	53	
II.1	Trích 30% nợ quỹ đất tính theo biên bản kiểm toán năm 2019								5.000	5.000					-	
II.2	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác								1.427	1.427	-	-	1.400	1.400	98	
1	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Mở rộng khu trung tâm hành chính và khu đô thị sinh thái phía Đông thị trấn Chư Sê (điều chỉnh)	7843415	Thị trấn Chư Sê		2022	21/QĐ-UBND ngày 13/10/2021			21	21			21	21	100	
2	Phê duyệt phương án hỗ trợ các gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án: Đường ven hồ TDP 8 đoạn Phan Đình Phùng đến đường Cách mạng tuyến dọc bên bờ suối nhánh phía Đông thị trấn Chư Sê	7899782	Thị trấn Chư Sê		2022	26/QĐ-UBND ngày 28/12/2021			1.039	1.039			1.020	1.020	98	
3	Phương án thường bổ sung để thực hiện công trình đường Sư Vạn Hạnh (đoạn từ đường 17/3 đến đường Lê Lợi)	7816121	Thị trấn Chư Sê		2022	Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 22/02/2021	86	86	86	86			85	85	98	
4	Phương án hỗ trợ bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với 02 hộ dân thuộc dự án Xây dựng bến xe tại khu quy hoạch cụm công nghiệp tập trung huyện Chư Sê	7891297	Thị trấn Chư Sê		2022	Quyết định 14/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	280	280	280	280			275	275	98	
II.3	Phân bổ chi tiết dự án						9.316		6.433	6.433	-	-	5.435	5.436	84	
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng						9.316	-	275	276	-	-	275	276	100	
1	Đường quy hoạch thôn Hồ Nước đoạn QL 14 đến đường Tránh Đông thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	7739009	Thị trấn Chư Sê	Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước, Điểm đầu Km0+0.00m (Giáp đường QL 14), Điểm cuối Km0+680.31m (Giáo đường tránh đông thị trấn Chư Sê đang thi công); Tổng chiều dài đoạn tuyến L=680.31m	2019-2020	653/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.500		205	205			205	205	100	
2	Đường giao thông khu dân cư thôn Ia Ring xã Ia Tiêm, huyện Chư Sê	7802282	xã Ia Tiêm	Nền, mặt đường, công trình thoát nước và cây xanh	2020	607/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.816		70,2	70,5			70,2	70,5	100	
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022						-	-	6.158	6.158	-	-	5.160	5.160	84	
1	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm, thị trấn Chư Sê	7809072	thị trấn Chư Sê	Nhà học, khu hiệu bộ, hạng mục khác	2020-2022	574/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	90.000		6.157,9	6.157,9			5.160	5.160	84	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh						Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 01/01/2022 đến 29/11/2022			Tỷ lệ %
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG								20.497	20.497	-	-	-	-	-	
III.1	MTQG xây dựng NTM								12.428	12.428					-	
III.1.2	MTQG DTTS&MN								8.069	8.069					-	

Biểu: 01**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGÂN SÁCH HUYỆN**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch ĐTC năm 2023 tỉnh giao tại Quyết định /QĐ-UBND ngày /12/2022	Kế hoạch ĐTC năm 2023 ngân sách huyện	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	80.583,0	172.986,2	
I	NGÂN SÁCH TỈNH PHÂN CẤP	30.583,0	30.583,0	Phụ lục 01
II	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN	50.000,0	50.000,0	Phụ lục 02
1	Trích 10% về tỉnh thực hiện dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai	5.000,0	5.000,0	
2	Tiền sử dụng đất cấp huyện thực hiện	45.000,0	40.840,6	
3	Tiền sử dụng đất cấp xã thực hiện		4.159,4	Phụ lục 2.1
III	TĂNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (1)		92.403,2	Phụ lục 03

(1) UBND huyện lập phương án sử dụng số tăng thu theo quy định tại Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH PHÂN CẤP

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định điều chỉnh			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSNN			Tổng số	Trong đó:			
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
A	NGÂN SÁCH TỈNH PHÂN CẤP					52.750,676	16.324,876	30.583,000	0,000	17.022,962		
I	Đổi ứng thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn	2023				7.234,000	4.516,200	1.875,000			UBND xã, thị trấn	
II	Phân bổ chi tiết cho từng lĩnh vực					45.516,676	11.808,676	28.708,000	0,000	17.022,962		
II.1	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp					18.070,496	5.261,628	12.808,868	0,000	10.808,868		
(1)	Thanh toán dự án hoàn thành					16.070,496	5.261,628	10.808,868	0,000	10.808,868	-	
1	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm, thị trấn Chư Sê	2020-2022	574/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	90.000,0	90.000,000	10.480,354	3.289,554	7.190,800		7.190,800	BQL dự án ĐTXD huyện	
2	Trường THCS Kpă Klong, xã Ia Ko, huyện Chư Sê	2019-2021	682/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.000,0	5.000,000	2.635,352	630,955	2.004,397		2.004,397	BQL dự án ĐTXD huyện	
3	Trường THCS Kpă Klong, xã Ia Ko Nhà hiệu bộ:	2019-2021	681/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.213,0	3.213,000	1.598,176	833,189	764,987		764,987	BQL dự án ĐTXD huyện	
4	Trường MG 1/6, xã Kông Htok	2019-2021	705/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.877,0	3.877,000	1.356,614	507,929	848,685		848,685	BQL dự án ĐTXD huyện	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2023					2.000,000	0,000	2.000,000	0,000	0,000		
1	Trường Mẫu giáo Hoa Huệ xã Ayun-Hạng mục: Xây mới nhà học	2023	1107/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	1.000,0	1.000,000	1.000,000		1.000,000			BQL dự án ĐTXD huyện	
2	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân-Xã Kông Htok-Hạng mục: xây mới nhà học 03 phòng	2023	1104/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	1.000,0	1.000,000	1.000,000		1.000,000			BQL dự án ĐTXD huyện	
II.2	Lĩnh vực Giao Thông					9.064,200	4.000,000	5.064,200	0,000	5.064,200		
(1)	Thanh toán dự án hoàn thành					9.064,200	4.000,000	5.064,200	0,000	5.064,200	-	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường từ xã Bờ Ngoong đi xã Dun huyện Chư Sê (thuộc tuyến đường liên huyện Pleiku - Dak Đoa - Chư Sê)	2020-2022	72/QĐ-UBND ngày 06/4/2020	30.000,0	30.000,000	9.064,200	4.000,000	5.064,200		5.064,200	BQL dự án ĐTXD huyện	
II.3	Hạ tầng-kỹ thuật					9.639,900	1.114,403	8.525,498	0,000	840,459		
(1)	Thanh toán dự án hoàn thành					1.729,900	889,441	840,459	0,000	840,459		

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định điều chỉnh			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bổ trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSNN			Tổng số	Trong đó:			
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	Thoát nước chống ngập úng khu dân cư TDP 2+12+14, thị trấn Chư Sê	2019-2021	673/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.210,0	3.210,000	1.729,900	889,441	840,459		840,459	BQL dự án ĐTXD huyện	
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023					4.910,000	224,962	4.685,039	0,000	0,000		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Nguyễn Tri Phương	2021-2023	85/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	3.765,0	3.765,000	3.765,000	154,888	3.610,113			BQL dự án ĐTXD huyện	
2	Tháo dỡ các hạng mục trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (cũ), thị trấn Chư Sê	2021-2023	94/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	1.145,0	1.145,000	1.145,000	70,074	1.074,926			BQL dự án ĐTXD huyện	
(3)	Dự án khởi công mới năm 2023					3.000,000	0,000	3.000,000	0,000	0,000		
1	Cống Ia Pét, xã Bờ Ngoong, huyện Chư Sê	2022-2023	1108/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	6.000,0	6.000,000	3.000,000		3.000,000			BQL dự án ĐTXD huyện	NST đối ứng 3.000 triệu đồng (Quỹ phòng chống thiên tai)
II.4	Quản lý nhà nước					1.742,080	1.432,646	309,435	0,000	309,435		
(1)	Thanh toán dự án hoàn thành					1.742,080	1.432,646	309,435	0,000	309,435		
1	Cải tạo, Sửa chữa Trung tâm bồi dưỡng Chính Trị huyện Chư Sê	2019-2020	708/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.500,0	9.500,000	1.742,080	1.432,646	309,435		309,435	BQL dự án ĐTXD huyện	
II.5	Lĩnh vực Quốc phòng, an ninh					7.000,000	0,000	2.000,000	0,000	0,000		
(1)	Dự án khởi công mới					7.000,000	0,000	2.000,000	0,000	0,000		
1	Nhà làm việc công an xã Dun , xã Ia Ko, huyện Chư Sê	2023-2024	1106/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	2.000,0	2.000,000	2.000,000		1.000,000			BQL dự án ĐTXD huyện	
2	Nhà làm việc công an xã Bờ Ngoong, Ia Tiêm, Bar Măih, Ia Glai, Ayun, huyện Chư Sê	2023-2024	1105/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	5.000,0	5.000,000	5.000,000		1.000,000			BQL dự án ĐTXD huyện	

Phụ lục: 02
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
 (Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
	TỔNG CỘNG				72.555,940	17.555,900	50.000,000	4.767,300	20.808,574		
A	Trích 10% tiền đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính của huyện, thị xã, thành phố nộp về tỉnh để đầu tư cho Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai				5.000,000		5.000,000				
B	Tiền sử dụng đất cấp huyện thực hiện				63.396,500	17.555,900	40.840,560	4.767,300	20.808,574		
I	Trích 30% nợ quỹ đất tỉnh theo biên bản kiểm toán năm 2019				10.226,941		5.226,900				
II	Trích nợ 30% quỹ đất năm 2020				8.837,786		8.837,786				
III	Phân bổ chi tiết dự án				38.364,473	17.555,900	20.808,574	-	20.808,574		
III.1	Lĩnh vực Giao thông				10.241,265	275,200	9.966,066	-	9.966,066		
(I)	Thanh toán dự án hoàn thành				10.241,265	275,200	9.966,066	-	9.966,066		
1	Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn Wừu đến cuối đường thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2021	612/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	7.063,000	2.415,824		2.415,825		2.415,825	BQL dự án ĐTXD huyện	
2	Đường Sư Vạn Hạnh đoạn đường 17/3 đến Lê Lợi thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2020-2022	614/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	7.915,000	574,409	-	574,409		574,409	BQL dự án ĐTXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bổ trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
3	Đường nội thị thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019- 2020	646/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	6.292,748	541,285	-	541,285		541,285	BQL dự án ĐTXD huyện	
4	Nâng cấp, mở rộng đường 17/3 đoạn cuối đường đôi đến đường Tránh Đông, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019- 2020	676/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	7.390,000	323,555	-	323,555		323,555	BQL dự án ĐTXD huyện	
5	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương thuộc phía Tây đoạn từ Quang Trung đến Km1+100 (đổi diện siêu thị Vĩnh Tín), thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019- 2020	475/QĐ- UBND ngày 22/8/2018; 558/QĐ- UBND ngày 01/10/2018	9.990,000	222,806	-	222,806		222,806	BQL dự án ĐTXD huyện	
6	Đường Nguyễn Đình Chiểu, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2018	827/QĐ- UBND ngày 30/10/2017	4.500,000	69,788	-	69,788		69,788	BQL dự án ĐTXD huyện	
7	Đường giao thông khu dân cư thôn Ia Ring xã Ia Tiêm, huyện Chư Sê	2020	607/QĐ- UBND ngày 30/10/2019	2.815,972	310,105	70,200	239,905		239,905	BQL dự án ĐTXD huyện	
8	Đường quy hoạch khu trung tâm xã Ia Pal, huyện Chư Sê	2019- 2020	403/QĐ- UBND ngày 16/8/2018; 510/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	8.480,537	162,577	-	162,577		162,577	BQL dự án ĐTXD huyện	
9	Đường quy hoạch, thoát nước, cây xanh khu dân cư xã Ia Pal, huyện Chư Sê	2019	672/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	800,000	14,080	-	14,080		14,080	BQL dự án ĐTXD huyện	
10	Đường quy hoạch khu A thôn Nông Trường xã Ia Glai, huyện Chư Sê	2019	466/QĐ- UBND ngày 16/8/2018	1.000,000	21,819	-	21,819		21,819	BQL CTĐT&VS MT	
11	Đường quy hoạch khu B thôn Nông Trường xã Ia Glai, huyện Chư Sê	2019- 2020	478/QĐ- UBND ngày 22/8/2018; 522/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	2.500,000	104,880	-	104,880		104,880	BQL dự án ĐTXD huyện	
12	Đường quy hoạch khu dân cư 10 dân phố 10 (trường phổ thông dân tộc nội trú cũ) thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019- 2020	671/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	1.600,000	35,921	-	35,921		35,921	BQL dự án ĐTXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
13	Đường quy hoạch thôn Hồ Nước đoạn QL 14 đến đường Tránh Đông thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019- 2020	653/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	6.500,000	484,890	205,000	279,890		279,890	BQL dự án ĐTXD huyện	
14	Đường Lê Quý Đôn thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê (Đường điện)	2019	660/QĐ- UBND ngày 30/10/2018		19,512	-	19,512		19,512	BQL dự án ĐTXD huyện	
15	Đường ven hồ TDP8 đoạn Phan Đình Phùng đến đường Cách Mạng tuyến dọc hai bên bờ suối Nhánh phía đông thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019- 2020	674/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	9.990,000	342,637	-	342,637		342,637	BQL dự án ĐTXD huyện	
16	Đường ven hồ TDP8 đoạn Phan Đình Phùng đến đường Cách Mạng tuyến dọc hai bên bờ suối Nhánh phía Tây thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	656/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	9.990,000	2.280,826		2.280,826		2.280,826	BQL dự án ĐTXD huyện	
17	Đường Quy hoạch N10 đoạn từ đường QH D25 đến đường Tránh Đông, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019- 2020	691/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	9.990,000	131,213	-	131,213		131,213	BQL dự án ĐTXD huyện	
18	Đường Quy hoạch D25 đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường QH N10, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	692/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	7.000,000	125,544	-	125,544		125,544	BQL dự án ĐTXD huyện	
19	Đường Quy hoạch D20 (sau trung tâm hành chính) đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường QH N10, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	694/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	6.500,000	387,614	-	387,614		387,614	BQL dự án ĐTXD huyện	
20	Đường Quy hoạch D22 đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường QH N10, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019- 2020	693/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	6.500,000	172,822	-	172,822		172,822	BQL dự án ĐTXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
21	Đường Quy hoạch D23 đoạn từ đường QH N15 đến đường QH N16, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	696/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.300,000	83,831	-	83,831		83,831	BQL dự án ĐTXD huyện	
22	Đường Quy hoạch N15 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	695/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.200,000	44,853	-	44,853		44,853	BQL dự án ĐTXD huyện	
23	Đường Quy hoạch N16 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	688/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.100,000	52,581	-	52,581		52,581	BQL dự án ĐTXD huyện	
24	Đường Quy hoạch N17 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	630/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.100,000	54,157	-	54,157		54,157	BQL dự án ĐTXD huyện	
25	Đường Quy hoạch N18 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	689/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.000,000	108,195	-	108,195		108,195	BQL dự án ĐTXD huyện	
26	Đường quy hoạch từ khu hành chính phía Đông đến đường Tránh Đông, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	657/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.100,000	119,680	-	119,680		119,680	BQL dự án ĐTXD huyện	
27	Đường khu tái định cư khu hành chính phía đông, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	50/QĐ-UBND ngày 7/9/2018	8.147,000	389,344	-	389,344		389,344	BQL dự án ĐTXD huyện	
28	San nền khu trung tâm hành chính huyện Chư Sê	2019-2020	698/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.000,000	526,673	-	526,673		526,673	BQL dự án ĐTXD huyện	
29	Nâng cấp mở rộng đường Hai Bà Trưng, đoạn Nguyễn Văn Trỗi-Hoàng Hoa Thám thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	813/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	8.000,000	119,844	-	119,844		119,844	BQL dự án ĐTXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
III.2	Lĩnh vực Văn hóa-Thể thao				256,269	-	256,269	-	256,269	BQL dự án ĐTXD huyện	
(I)	Thanh toán dự án hoàn thành				256,269	-	256,269	-	256,269		
1	Nhà văn hóa xã Ia Blang, huyện Chư Sê	2019- 2020	703/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	1.500,000	25,636	-	25,636		25,636	BQL dự án ĐTXD huyện	
2	Sân vận động xã Bờ Ngoong	2019- 2020	700/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	400,000	43,125	-	43,125		43,125	BQL dự án ĐTXD huyện	
3	Sân vận động xã HBông	2019- 2020	702/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	400,000	40,465	-	40,465		40,465	BQL dự án ĐTXD huyện	
4	Sân vận động xã ayun	2019- 2020	699/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	400,000	50,532	-	50,532		50,532	BQL dự án ĐTXD huyện	
5	Bể bơi công viên Bàu Ngứa thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2018	845a/QĐ- UBND ngày 30/10/2017	6.000,000	96,511	-	96,511		96,511	BQL dự án ĐTXD huyện	
III.3	Hạ tầng-kỹ thuật				2.331,807	-	2.331,807	-	2.331,807		
(I)	Thanh toán công trình hoàn thành				2.331,807	-	2.331,807	-	2.331,807		
1	Đường điện đường quy hoạch khu dân cư Tổ dân phố 10 (trường phổ thông dân tộc nội trú cũ) thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019- 2020	671/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	1.600,000	28,742	-	28,742		28,742	BQL dự án ĐTXD huyện	
2	Đường điện đường quy hoạch khu trung tâm xã Ia Pal	2019- 2020	662/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	860,000	14,923	-	14,923		14,923	BQL dự án ĐTXD huyện	
3	Đường điện đường quy hoạch Khu A thôn Nông trường, xã Ia Glai huyện Chư Sê	2019- 2020	658/QĐ- UBND ngày 30/10/2018	496,000	22,972	-	22,972		22,972	BQL dự án ĐTXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
4	Đường điện đường quy hoạch khu B thôn Nông Trường xã Ia Glai, huyện Chư Sê	2019-2020	686/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.200,000	23,768	-	23,768		23,768	BQL dự án ĐTXD huyện	
5	Đường điện chiếu sáng nội thị Chư Sê	2019-2020	679/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.540,000	2.000,000	-	2.000,000		2.000,000	BQL dự án ĐTXD huyện	
6	Trồng cây xanh đường Hai Bà Trưng đoạn Nguyễn Văn Trỗi – Hoàng Hoa Thám thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê - Hạng mục: Cây xanh	2020	648/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	400,000	12,272	-	12,272		12,272	BQL dự án ĐTXD huyện	
7	Trồng cây xanh đường Võ Thị Sáu đoạn Tránh Đông đến Quang Trung thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê - Hạng mục: Hồ trồng cây, cây xanh	2020	617/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.000,000	49,812	-	49,812		49,812	BQL dự án ĐTXD huyện	
8	Bến xe huyện Chư Sê	2019-2020	706/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.000,000	179,318	-	179,318		179,318	BQL dự án ĐTXD huyện	
III.4	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp				23.441,736	17.280,700	6.161,036	-	6.161,036		
(I)	Thanh toán dự án hoàn thành				23.441,736	17.280,700	6.161,036	-	6.161,036		
1	Trường TH Phạm Hồng Thái xã Ia Pal, huyện Chư Sê	2019-2020	404/QĐ-UBND ngày 20/7/2018	1.600,000	81,044	-	81,044		81,044	BQL dự án ĐTXD huyện	
2	Trường PTDT Nội trú (giai đoạn 1)	2019-2020	76/QĐ-UBND ngày 02/3/2018	9.873,900	361,591	-	361,591		361,591	BQL dự án ĐTXD huyện	
3	Trường THCS Dân tộc nội trú huyện Chư Sê (giai đoạn 2)	2019-2020	591/QĐ-UBND ngày 04/10/2018	9.990,000	366,143	-	366,143		366,143	BQL dự án ĐTXD huyện	
4	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ xã Bờ Ngoong huyện Chư Sê	2019-2020	517/QĐ-UBND ngày 07/9/2018	5.100,000	191,481	-	191,481		191,481	BQL dự án ĐTXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
5	Trường tiểu học Phan Đình Phùng, xã Ia Tiêm, huyện Chư Sê	2020	636/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	800,000	94,652	-	94,652		94,652	BQL dự án ĐTXD huyện	
6	Trường tiểu học Lê Quý Đôn thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	685/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.650,000	394,556	-	394,556		394,556	BQL dự án ĐTXD huyện	
7	Trường TH Tôn Đức Thắng, xã Ia Blang	2020	637/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	800,000	106,833	-	106,833		106,833	BQL dự án ĐTXD huyện	
8	Trường tiểu học Lê Văn Tám, xã Bờ Ngoong, huyện Chư Sê	2020	635/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	800,000	106,091	-	106,091		106,091	BQL dự án ĐTXD huyện	
9	Trường tiểu học Nguyễn Tất Thành thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2019-2020	670/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.500,000	89,796	-	89,796		89,796	BQL dự án ĐTXD huyện	
10	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã H'ông, huyện Chư Sê	2019-2020	669/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.800,000	72,959	-	72,959		72,959	BQL dự án ĐTXD huyện	
11	Trường THCS Trần Hưng Đạo, xã Al Bă, huyện Chư Sê	2019-2020	640/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.000,000	73,916	-	73,916		73,916	BQL dự án ĐTXD huyện	
12	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn xã Ia Tiêm, huyện Chư Sê	2019-2020	678/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.000,000	87,255	-	87,255		87,255	BQL dự án ĐTXD huyện	
13	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn, xã Ia Tiêm, huyện Chư Sê	2020	638/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	800,000	25,480	-	25,480		25,480	BQL dự án ĐTXD huyện	
14	Trường THCS Mạc Đĩnh Chi, xã Ia Glai, huyện Chư Sê	2019-2020	683/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.000,000	167,847	-	167,847		167,847	BQL dự án ĐTXD huyện	
15	Trường tiểu học Hùng Vương thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2020	641/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.500,000	246,392	-	246,392		246,392	BQL dự án ĐTXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
16	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm, thị trấn Chư Sê	2020-2022	574/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	90.000,000	20.975,700	17.280,700	3.695,000		3.695,000	BQL dự án ĐTXD huyện	
III.5	Lĩnh vực Nông nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				2.093,396	-	2.093,396	-	2.093,396		
(I)	Thanh toán dự án hoàn thành				2.093,396	-	2.093,396	-	2.093,396		
1	Sửa chữa nâng cấp kênh mương thủy lợi đập Kjai, xã Kông Htok	2019-2020	649/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.500,000	235,900	-	235,900		235,900	BQL dự án ĐTXD huyện	
2	Sửa chữa nâng cấp kênh mương thủy lợi làng Păng Roh, xã Al Bă	2019-2020	648/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.000,000	200,359	-	200,359		200,359	BQL dự án ĐTXD huyện	
3	Hệ thống kênh nhánh thủy lợi PleiKeo, xã ayun	2019-2020	677/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.900,000	243,678	-	243,678		243,678	BQL dự án ĐTXD huyện	
4	Sửa chữa nâng cấp đập Kte, xã H'Bông	2020	611/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.000,000	297,042	-	297,042		297,042	BQL dự án ĐTXD huyện	
5	Kênh mương thủy lợi Khu vực cánh đồng Làng Tel đến đập tràn Làng Á, xã Ia H'Lốp	2020	610/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.000,000	292,297	-	292,297		292,297	BQL dự án ĐTXD huyện	
6	Sửa chữa kênh mương làng Tăng, xã Kông Htok	2020	609/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.500,000	208,676	-	208,676		208,676	BQL dự án ĐTXD huyện	
7	Sửa chữa nâng cấp kênh thủy lợi Ia Pét, xã Ayun	2020	612/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.500,000	208,788	-	208,788		208,788	BQL dự án ĐTXD huyện	
8	Kiên cố hoá kênh mương thủy lợi Ia Grit xã Dun, huyện Chư Sê	2020	608/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.000,000	406,656	-	406,656		406,656	BQL dự án ĐTXD huyện	
IV	Hoàn ứng Quỹ đất tỉnh				4.767,300	-	4.767,300	4.767,300	-		

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
I	Dự án bồi thường, hỗ trợ, GPMB để xây dựng công trình Khu đô thị mới phía đông thị trấn Chư Sê (mở rộng trung tâm hành chính mới của huyện Chư Sê).	2018	02/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		4.767,300	-	4.767,300	4.767,300		BQL dự án ĐTXD huyện	
I.5	Ủy thác về ngân hàng chính sách xã hội theo chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư TW đảng	2023			1.200,000	-	1.200,000			Ngân hàng chính sách xã hội huyện Chư Sê	
C	Tiền sử dụng đất cấp xã thực hiện	2023			4.159,440		4.159,440				Có phụ lục: 2.1 chi tiết kèm theo

Phụ lục: 2.1

KẾ HOẠCH VỐN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 DỰ KIẾN CẤP XÃ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023 (1)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	12.665,320	4.159,440	
1	UBND xã Ia Ko	149,040	49,680	
2	UBND xã Ia HLốp	205,200	68,400	
3	UBND xã Ia Blang	237,600	79,200	
4	UBND xã Dun	216,000	72,000	
5	UBND xã H Bông	481,680	160,560	
6	UBND xã Al Bá	194,400	64,800	
7	UBND xã Bờ Ngoong	99,360	33,120	
8	UBND xã Ia Tiêm	3.024,000	1.008,000	
9	UBND xã Ia Glai	540,000	144,000	
10	UBND xã Chư Pông	211,680	70,560	
11	UBND xã Bar Măih	691,000	216,000	
12	UBND xã Kông Htok	939,600	313,200	
13	UBND xã Ia Pal	5.639,760	1.879,920	
14	UBND xã Ayun	36,000		

Phụ lục: 03
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN TĂNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
	TỔNG CỘNG					93.987,367	-	92.403,207	86.058,983	3.844,224		
I	Hoàn ứng Quỹ đất tỉnh					87.643,143	-	86.058,983	86.058,983	-		
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ, GPMB để xây dựng công trình Khu đô thị mới phía đông thị trấn Chư Sê (mở rộng trung tâm hành chính mới của huyện Chư Sê).	Thị trấn Chư sê	2018	02/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		10.780,700		10.780,700	10.780,700		BQL dự án ĐTXD huyện	
2	Đường Quy hoạch D22 đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường QH N10, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	693/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		5.305,037		5.305,037	5.305,037		BQL dự án ĐTXD huyện	
3	Đường Quy hoạch D23 đoạn từ đường QH N15 đến đường QH N16, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	696/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		1.427,700		1.427,700	1.427,700		BQL dự án ĐTXD huyện	
4	Đường Quy hoạch N15 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	695/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		2.402,300		2.402,300	2.402,300		BQL dự án ĐTXD huyện	
5	Đường Quy hoạch N16 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	688/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		2.351,500		2.351,500	2.351,500		BQL dự án ĐTXD huyện	
6	Đường Quy hoạch N17 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	630/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		2.228,800		2.228,800	2.228,800		BQL dự án ĐTXD huyện	
7	Đường ven hồ TDP8 đoạn Phan Đình Phùng đến đường Cách Mạng tuyến dọc hai bên bờ suối Nhánh phía đông thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	674/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		8.685,400		8.685,400	8.685,400		BQL dự án ĐTXD huyện	
8	Đường Quy hoạch N18 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	689/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		1.951,000		1.950,986	1.950,986		BQL dự án ĐTXD huyện	
						1						

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
9	Đường Quy hoạch N10 đoạn từ đường QH D25 đến đường Tránh Đông, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	691/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		8.830,900		8.830,900	8.830,900		BQL dự án ĐTXD huyện	
10	Bồi thường, hỗ trợ, GPMB dự án: Khu dân cư xã Dun và xã Ia Pal	Xã Dun	2020-2021	21/QĐ-UBND ngày 5/7/2020; 23/QĐ-UBND ngày 5/7/2020		8.997,900		8.455,635	8.455,635		BQL dự án ĐTXD huyện	
11	Khu trung tâm hành chính mới (Đường Phan Đình Phùng kéo dài đến đường liên xã xã Dun)	Thị trấn Chư sê	2020-2021	32/QĐ-UBND ngày 4/8/2020		6.616,800		6.577,792	6.577,792		BQL dự án ĐTXD huyện	
12	Đường ven hồ TDP8 đoạn Phan Đình Phùng đến đường Cách Mạng tuyến dọc hai bên bờ suối Nhánh phía Tây thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	656/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		6.080,406		6.080,406	6.080,406		BQL dự án ĐTXD huyện	
13	Đường Quy hoạch D20 (sau trung tâm hành chính) đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường QH N10, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	694/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		4.861,600		3.858,727	3.858,727		BQL dự án ĐTXD huyện	
14	San nền khu trung tâm hành chính huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	698/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		5.835,900		5.835,900	5.835,900		BQL dự án ĐTXD huyện	
15	Đường khu tái định cư khu hành chính phía đông, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	50/QĐ-UBND ngày 7/9/2018		5.605,500		5.605,500	5.605,500		BQL dự án ĐTXD huyện	
16	Đường Quy hoạch D25 đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường QH N10, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	692/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		5.681,700		5.681,700	5.681,700		BQL dự án ĐTXD huyện	
II	Thanh toán dự án hoàn thành					3.844,224	-	3.844,224	-	3.844,224		
(I)	Lĩnh vực giao thông					3.844,224	-	3.844,224	-	3.844,224		
I	Đường ven hồ TDP8 đoạn Phan Đình Phùng đến đường Cách Mạng tuyến dọc hai bên bờ suối Nhánh phía Tây thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	Thị trấn Chư sê	2019-2020	656/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.990,000	3.844,224		3.844,224		3.844,224	BQL dự án ĐTXD huyện	
III	Nhiệm vụ quy hoạch					2.500,000	-	2.500,000	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Chư Sê đến năm 2040	Huyện Chư Sê	2022-2023		3.709,858	2.500,000		2.500,000			Phòng Kinh tế và Hạ tầng	

Số: /NQ-HĐND

Chư Sê, ngày tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023
ngân sách huyện đầu tư**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết HĐND tỉnh số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2023 nguồn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2023 nguồn ngân sách Trung ương;

Căn cứ các Nghị quyết HĐND huyện: số 116/NQ-HĐND ngày 23/8/2021 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách huyện đầu tư; Nghị quyết 126/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về việc điều chỉnh, bổ sung một số dự án, nhiệm vụ chi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện đầu tư; Nghị quyết 149/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện đầu tư; Nghị quyết 165/NQ-HĐND ngày 03/11/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện đầu tư; Nghị quyết 167/NQ-HĐND ngày 03/11/2022 về việc kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách huyện đầu tư;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê tại Tờ trình số 294/TTr-UBND ngày 09/12/2022 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023 ngân sách huyện đầu tư; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp thứ Chín – HĐND huyện khóa X,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch phân bổ đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 20232 ngân sách huyện đầu tư là **172.986,207** triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Ngân sách tỉnh phân cấp: 30.583,0 triệu đồng, cơ cấu bố trí như sau:

a) Bố trí đối ứng thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn: 1.875,000 triệu đồng

b) Phân bổ chi tiết thực hiện dự án cho từng lĩnh vực: 28.708,000 triệu đồng, gồm:

- Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp: 12.808,868 triệu đồng/04 dự án hoàn thành; 02 dự án khởi công mới.

- Lĩnh vực Giao Thông: 5.064,200 triệu đồng/ 01 dự án hoàn thành.

- Hạ tầng, kỹ thuật: 8.525,498 triệu đồng/01 dự án hoàn thành; 02 dự án chuyển tiếp; 01 dự án khởi công mới.

- Quản lý nhà nước: 309,435 triệu đồng/ 01 dự án hoàn thành.

- Lĩnh vực Quốc phòng, an ninh: 2.000,000 triệu đồng/02 dự án khởi công mới.

(Có phụ lục 01 chi tiết kèm theo)

2. Tiền sử dụng đất huyện đầu tư: 50.000,000 triệu đồng, thực hiện phân cấp nguồn thu tiền sử dụng đất huyện như sau:

2.1. Điều tiết về ngân sách tỉnh để thực hiện dự án đo đạc (10%): 5.000,000 triệu đồng.

2.1. Cấp huyện, cấp xã hưởng (90%): 45.000,000 triệu đồng, được phân cấp như sau:

- **Ngân sách cấp huyện thực hiện đầu tư: 40.840,560 triệu đồng**

++ Trích 30% nợ quỹ đất tỉnh theo biên bản kiểm toán năm 2019: 5.226,900 triệu đồng

++ Trích nợ 30% quỹ đất năm 2020: 8.837,786 triệu đồng

++ Phân bổ chi tiết lĩnh vực: 20.808,574 triệu đồng, trong đó:

+++ Lĩnh vực Giao thông: 9.966,066 triệu đồng/29 dự án hoàn thành.

+++ Lĩnh vực Văn hóa-Thể thao: 256.269 triệu đồng/05 dự án hoàn thành.

+++ Hạ tầng, kỹ thuật: 2.331,807 triệu đồng/08 dự án hoàn thành.

+++ Lĩnh vực Giáo dục: 6.161,036 triệu đồng/16 dự án hoàn thành.

+++ Lĩnh vực Nông nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản: 2.093,396 triệu đồng/08 dự án hoàn thành.

++ Hoàn ứng Quỹ đất tỉnh: 4.767,300 triệu đồng/01 dự án.

++ Ủy thác về ngân hàng chính sách xã hội theo chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư TW đảng: 1.200 triệu đồng

- **Ngân sách cấp xã thực hiện đầu tư: 4.159,440 triệu đồng**

(Có phụ lục 2; 2.1 chi tiết kèm theo)

3. Tăng thu tiền sử dụng đất huyện đầu tư: 92.403,207 triệu đồng, cụ thể bố trí:

- Hoàn ứng Quỹ đất tỉnh: 86.058,983 triệu đồng/16 dự án
- Lĩnh vực giao thông: 3.844,224 triệu đồng/01 dự án hoàn thành.
- Nhiệm vụ quy hoạch: 2.500,000 triệu đồng/01 nhiệm vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu sử dụng theo quy định tại Điều 59 của Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Đối với phần vốn đầu tư phát triển (nếu có) UBND huyện sẽ lập phương án sử dụng số tăng thu cấp minh báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất. Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên bố trí vốn tăng thu để thu hồi các khoản vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công năm 2023; sau đó mới đề xuất sử dụng số tăng thu còn lại để bố trí cho các dự án quan trọng. Thực hiện theo đúng Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai.

(Có phụ lục 03 chi tiết kèm theo)

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các ban Hội đồng nhân dân huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chư Sê Khóa X - Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND Tỉnh;
- TT. huyện ủy; TT. HĐND huyện;
- BTT. UBMTTQVN huyện;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Các phòng, ban thuộc huyện;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT-CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Hà